TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2019/QĐST-HNGĐ	*Ba Bể, ngày 15 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Liêu Thị T**, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Tổ B7, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Hứa Văn T1**, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Liêu Thị T**, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Chỗ ở hiện nay: Tổ B7, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Anh **Hứa Văn T1**, sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Liêu Thị T và anh Hứa Văn T1 thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Giao con chung Hứa Thanh T2, sinh ngày 11/10/2007; (Con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho anh Hứa Văn T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung đến năm đủ 18 tuổi (Phù hợp với nguyện vọng của con chung Hứa Thanh T2).

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết,

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên không nợ ai và không cho ai nợ.

* Về án phí: Chị Liêu Thị T phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hứa Văn T1 phải chịu 75.000^{đ} (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị Liêu Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Liêu Thị T đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 03669 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Chị Liêu Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- VKSND huyện B (02b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- UBND xã Đ (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu VP (01b).

THẨM PHÁN

Phạm Thế Hùng